

Bản án số: 225/2023/DS-ST

Ngày 10 tháng 5 năm 2023

V/v tranh chấp thừa kế tài sản; hủy
hợp đồng tặng cho quyền sử dụng
đất và hủy giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Anh Tài;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông;
Ông Phạm Việt Hà.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Trang, Thư ký
Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên
tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Hương, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội
xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 05/2023/TLPT-
DS ngày 13 tháng 01 năm 2023 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản; hủy hợp
đồng tặng cho quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2022
của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Y bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4545/2023/QĐ-PT
ngày 24 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đinh Ngọc T, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn Ngọc Đ,
xã Tân Q, huyện Văn L, tỉnh Hưng Y; có mặt tại phiên tòa.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Hoàng
Ngọc H và luật sư Nguyễn Văn T1 - Văn phòng luật sư Đông H1, thuộc Đoàn
luật sư thành phố Hà Nội; luật sư T1 có mặt; luật sư H vắng mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Lê Thị V, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn Ngọc Đ, xã Tân Q, huyện
Văn L, tỉnh Hưng Y; có mặt tại phiên tòa.

2.2. Cụ Nguyễn Thị R, sinh năm 1931 (đã chết ngày 23/02/2020);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của cụ Nguyễn Thị R:

- Ông Đinh Văn Đ1, sinh năm 1946; vắng mặt tại phiên tòa.
- Ông Đinh Văn T2, sinh năm 1957; có mặt tại phiên tòa.
- Bà Đinh Thị Q1, sinh năm 1959; vắng mặt tại phiên tòa.

Đều có địa chỉ tại: Thôn Ngọc Đ, xã Tân Q, huyện Văn L, tỉnh Hưng Y;

- Bà Đinh Thị Q2, sinh năm 1962; có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Thôn Ngọc L1, xã Tân Q, huyện Văn L, tỉnh Hưng Y.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện Văn L, tỉnh Hưng Y;

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đặng Duy S, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2. Ông Đinh Văn Đ1, sinh năm 1946; vắng mặt tại phiên tòa.

3.3. Ông Đinh Văn T2, sinh năm 1957; có mặt tại phiên tòa.

3.4. Bà Đinh Thị Q1, sinh năm 1959; vắng mặt tại phiên tòa.

3.5. Chị Đinh Thị N, sinh năm 1997; có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện theo ủy quyền của chị Đinh Thị N:* Bà Lê Thị V; có mặt tại phiên tòa.

3.6. Chị Đinh Thị T3, sinh năm 2003; vắng mặt tại phiên tòa.

Đều có địa chỉ tại: Thôn Ngọc Đ, xã Tân Q, huyện Văn L, tỉnh Hưng Y;

3.7. Bà Đinh Thị Q2, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn Ngọc L1, xã Tân Q, huyện Văn L, tỉnh Hưng Y; có mặt tại phiên tòa.

3.9. Văn phòng công chứng Văn L; địa chỉ: Thị trấn Như Q3, huyện Văn L, tỉnh Hưng Y.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Bà Lý Thị Hương G - Trưởng văn phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:**

Cụ Đinh Văn M và cụ Nguyễn Thị R sinh được 06 con là Đinh Xuân Đ2, Đinh Ngọc T, Đinh Văn T2, Đinh Thị Q1, Đinh Thị Q2 và Đinh Văn H2.

Khi còn sống cụ M, cụ R sử dụng thửa đất diện tích 343m² của tổ tiên để lại là thửa số 196, tờ bản đồ số 4, diện tích 281m² đất ở và thửa số 198, tờ bản đồ số 4, diện tích 62m² là đất vườn kinh tế gia đình. Cụ M đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hải H3 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 093235 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 886/ QSDĐ 06/92 ngày 30/3/1992 mang tên Đinh Văn M.

Cụ M chết ngày 01/10/2003 không để lại di chúc, không có làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ai. Cụ R ở cùng với ông H2. Ông H2 có

vợ là bà Lê Thị V, vợ chồng ông H2 đại diện các đồng thừa kế quản lý, sử dụng toàn bộ hai thửa đất nêu trên. Quá trình quản lý, sử dụng ông H2 và bà V đã mạo danh cụ R xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ tên cụ M sang tên cụ R với lý do “Do bị thu hồi theo Quyết định 367/QĐ-UB ngày 10/4/1995 của UBND tỉnh Hải H3 không sử dụng con dấu và chữ ký”. Cụ R là người không biết chữ, ông H2 đứng ra ký tên làm các thủ tục khác. Ngày 13/11/2008, UBND huyện Văn L có Quyết định số 1084/QĐ-UBND về việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 05 chủ sử dụng đất, đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 433305 cho cụ Nguyễn Thị R đối với thửa số 119, tờ bản đồ số 13, diện tích 300m² tại thôn Ngọc Đ, xã Tân Q, huyện Văn L, tỉnh Hưng Y. Hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ cụ Đinh Văn M sang tên cụ Nguyễn Thị R không được thực hiện theo đúng trình tự quy định của pháp luật, vì giấy ủy quyền mang tên cụ Đinh Văn M ghi ngày 26/01/2001 không có chữ ký của người ủy quyền là cụ M và không có xác nhận của chính quyền địa phương, gia đình cũng không có biên bản cuộc họp nào, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2008 sang tên cụ R thì anh em trong gia đình ông không ai nắm được.

Đến năm 2011, cán bộ địa chính xã hướng dẫn gia đình lập biên bản thống nhất chuyển quyền sử dụng đất mang tên cụ R, cán bộ địa chính hướng dẫn cho bà Lê Thị V viết lại biên bản họp gia đình ngày 22/7/2011 thành ngày 22/7/2008 để khớp với hồ sơ chuyển đổi từ tên cụ Đinh Văn M sang tên Lê Thị V, bà V đã bảo ông (T) viết lại văn bản ngày 22/7/2011 thành ngày 22/7/2008 để phù hợp hồ sơ và ông đã viết văn bản này.

Sau khi ông H2 chết ngày 04/9/2010, bà V đã lừa cụ R để được cụ R tặng cho thửa đất trên. Ngày 03/5/2012, UBND huyện Văn L đã có Quyết định số 1181/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 433305 cấp ngày 13/11/2008 cho cụ Nguyễn Thị R tại thửa số 119, tờ bản đồ số 13, diện tích 300m² do cho tặng quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị V và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị V đối với thửa đất nêu trên.

Năm 2017, ông mới biết được mẹ ông là cụ R chuyển quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị V. Việc cụ R tự ý xin cấp đổi GCNQSD đất từ cụ M sang tên cụ R, sau đó dịch chuyển quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị V mà không có sự đồng ý của các đồng thừa kế là trái với quy định của pháp luật, trực tiếp gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của anh em ông. Gia đình ông đã hòa giải nhưng bà V không đồng ý; lãnh đạo thôn và địa phương cũng đã hòa giải vụ việc nhưng không thành.

Nay ông khởi kiện đề nghị Tòa án:

- Chia thừa kế đối với di sản của cụ Đình Văn M là 150m² đất tại thửa số 119, tờ bản đồ số 13, diện tích 300m² tại thôn Ngọc Đ, xã Tân Q, huyện Văn L, tỉnh Hưng Y cho các đồng thừa kế là cụ R, ông T, ông Đ1, ông T2, bà Q2, bà Q1 theo quy định của pháp luật.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 433305 do UBND huyện Văn L cấp ngày 13/11/2008 cho cụ Nguyễn Thị R đối với thửa số 119, TĐĐ số 13, diện tích 300m² tại thôn Ngọc Đ, xã Tân Q, huyện Văn L, tỉnh Hưng Y. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Lê Thị V.

- Hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Thị R và bà Lê Thị V.

*** Bị đơn cụ Nguyễn Thị R trình bày:** Ngày 03 tháng 11 năm 2001, cụ Đình Văn M có lập giấy ủy quyền sở hữu, nội dung công bố cho con trai út Đình Văn H2 toàn bộ dinh cơ và diện tích nhà ở được toàn quyền sở hữu kèm theo là giao phó trách nhiệm do anh em đề ra phải trông nom, chăm sóc cha mẹ. Nội dung văn bản được 06 người con có 04 trai, 02 gái thống nhất thông qua và ký tên, không ai có ý kiến gì, kèm theo là người làm chứng là ông Đình Hải M1 (em trai ruột cụ M). Sau hai năm cụ M qua đời, mọi việc gia đình êm ả.

Đến năm 2008, phòng đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất huyện Văn L theo chủ trương của nhà nước và đơn đề nghị cùng Biên bản họp gia đình thống nhất cho cụ Nguyễn Thị R toàn quyền sở hữu, đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thửa số 119, tờ bản đồ số 13, diện tích 300m² tại thôn Ngọc Đ, xã Tân Q, huyện Văn L, tỉnh Hưng Y có xác nhận của trưởng thôn là ông Nguyễn Văn Đ3 ngày 22/7/2008 và xác nhận của chủ tịch UBND xã Nguyễn Huy L2 đã ký cùng tất cả các con cụ đã nhất trí và ký tên. Ngày 13/11/2008, UBND huyện Văn L đã chính thức cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 433305 cho cụ Nguyễn Thị R đối với thửa số 119, tờ bản đồ số 13, diện tích 300m² tại thôn Ngọc Đ, xã Tân Q, huyện Văn L, tỉnh Hưng Y.

Năm 2010, ông H2 không may mắc bệnh hiểm nghèo và qua đời, bản thân mình thì đã già yếu nên cụ đã chuyển toàn bộ quyền sử dụng đất diện tích 300m² cho con dâu là Lê Thị V. Cụ đã làm hợp đồng tặng cho bà V và được UBND huyện Văn L, phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Văn L thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/5/2012 số CH 00640-1181/QĐ-UBND cho bà Lê Thị V đối với thửa số 119, tờ bản đồ số 13, diện tích 300m² tại thôn Ngọc Đ, xã Tân Q, huyện Văn L, tỉnh Hưng Y.

Từ đó đến năm 2017, gia đình không ai có ý kiến gì về vấn đề này. Từ năm 2017 đến nay, ông Đình Ngọc T gây chuyện và đòi chia 150m² trong tổng số 300m² tại thửa đất nêu trên. Bản thân cụ không chấp nhận vì vợ chồng cụ đã lập di chúc cho vợ chồng con trai út của cụ là Đình Văn H2 và Lê Thị V. Cụ đã

làm theo di chúc của cụ M và UBND huyện Văn L cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 03/5/2012 cho bà Lê Thị V.

Cụ ủy quyền cho bà Lê Thị V làm việc với Tòa án và toàn quyền quyết định, trình bày ý kiến, ký nhận văn bản tố tụng trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án (theo giấy ủy quyền ngày 07/11/2019).

Ngày 23/02/2020, cụ Nguyễn Thị R chết.

*** Bị đơn bà Lê Thị V trình bày:** Nguồn gốc thửa đất số 119, tờ bản đồ số 13, diện tích 300m² tại thôn Ngọc Đ, xã Tân Q, huyện Văn L, tỉnh Hưng Y là của cụ M và cụ R.

Năm 1996, bà kết hôn với ông H2 là con út của cụ M, cụ R, các anh chồng bà đã được Nhà nước chia đất giao dân cho hộ gia đình có đông con. Còn vợ chồng bà cùng các con vẫn sinh sống trên thửa đất cùng cụ M, cụ R và bà đã đóng thuế đất đầy đủ.

Ngày 03/11/2001 (âm lịch), cụ M là bố chồng bà đã lập giấy ủy quyền sở hữu cho chồng bà là Đinh Văn H2 toàn quyền quản lý, sử dụng diện tích đất trên và giao trách nhiệm cho vợ chồng bà chăm sóc, phụng dưỡng bố mẹ. Nội dung giấy đã được tất cả các anh chị em trong gia đình gồm 04 trai, 02 gái là con cụ M, cụ R nhất trí và đồng ý ký tên. Vợ chồng bà đã hoàn thành trách nhiệm trông nom, phụng dưỡng cha mẹ như đã được giao phó.

Năm 2003, vợ chồng bà bắt đầu xây nhà trên diện tích đất được cụ M cho. Năm 2006 vợ chồng bà tiếp tục xây nhà trọ trên đất, ông T có biết và đã cho vợ chồng bà vay tiền.

Đến năm 2008, các anh chị trong nhà đã làm thủ tục sang tên đất cho cụ R và tất cả đã ký vào biên bản họp gia đình. Năm 2012, cụ R lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà và bà đã được UBND huyện Văn L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 119, tờ bản đồ số 13, diện tích 300m² tại thôn Ngọc Đ, xã Tân Q, huyện Văn L, tỉnh Hưng Y. Việc bà được cấp sổ đỏ đối với thửa đất trên là hoàn toàn hợp pháp, được cơ quan có thẩm quyền công nhận. Khi cụ R làm thủ tục tặng cho đất bà cũng không thông báo cho các anh chị em trong gia đình biết. Ngày 03/5/2012, UBND huyện Văn L đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 514266 đối với thửa đất số 119, tờ bản đồ số 13, diện tích 300m² tại thôn Ngọc Đ, xã Tân Q, huyện Văn L, tỉnh Hưng Y. Năm 2018, ông T khởi kiện bà ra Tòa án.

Đối với bản gốc Giấy ủy quyền sở hữu ngày 03/11 âm lịch năm tân ty của cụ Đinh Văn M bà đang quản lý.

Đối với biên bản họp gia đình đề ngày 22/7/2011 do ông T là người viết và có chữ ký của ông T, ông Đ1, ông T2, bà Q1, bà Q2 và bà V có xác nhận của ông Nguyễn Văn Đ3 trưởng thôn và ông Đào Xuân T4 phó chủ tịch xã Tân Q.

Nội dung là thống nhất sang tên nhà đất thổ cư tại thửa đất số 119, tờ bản đồ số 13, diện tích 300m² tại thôn Ngọc Đ, xã Tân Q, huyện Văn L, tỉnh Hưng Y cho cụ Nguyễn Thị R toàn quyền sở hữu, trong biên bản có ghi tên ông Đinh Văn H2 con út (đã chết), biên bản này là có thật. Tuy nhiên cụ R đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008, nên để hợp pháp hóa và hoàn thiện hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ R thì các anh chị em trong gia đình đã thống nhất lập thêm biên bản họp gia đình đề ngày 22/7/2008 có nội dung giống như biên bản họp gia đình ngày 22/7/2011.

Biên bản ngày 22/7/2008 đã được các ông bà T, D1, T2, Q1, Q2 và bà là V ký, chữ ký phần của cụ R do ông T viết và ký thay. Bản gốc của biên bản do bà đã mang nộp cho ông Trần Thanh T5, cán bộ địa chính xã Tân Q. Biên bản có xác nhận của trưởng thôn là ông Đ3 và chủ tịch là ông L2. Phần đầu biên bản ghi tên ông Đinh Văn H2 (đã chết) không sửa lại, giữ nguyên theo biên bản ngày 22/7/2011.

Nay ông T khởi kiện, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T. Bà đề nghị công nhận quyền sở hữu sử dụng thửa đất và tài sản trên đất theo hợp đồng tặng cho và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà được cấp.

Chị Đinh Thị N ủy quyền cho bà Lê Thị V làm việc với Tòa án và toàn quyền quyết định, trình bày ý kiến, ký nhận văn bản tố tụng trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án (theo giấy ủy quyền ngày 07/11/2019).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:***

- Các ông bà Đinh Văn Đ1, Đinh Thị Q1, Đinh Thị Q2, Đinh Xuân T6: Bố mẹ các ông bà là Đinh Văn M và Nguyễn Thị R có 06 con chung là: Đinh Văn Đ1, Đinh Ngọc T, Đinh Văn T2, Đinh Thị Q1, Đinh Thị Q2 và Đinh Văn H2 và không có con riêng hay con nuôi. Ông H2 chết năm 2010, cụ M mất ngày 01/10/2003, cụ R ở cùng bà V.

Mảnh đất diện tích 343m² và 01 nhà mái bằng 03 gian, 01 tum có phần di sản của cụ M để lại, nay cụ R cùng bà V đang quản lý, sử dụng. Nguồn gốc thửa đất là của tổ tiên để lại cho cụ M và cụ M đã được UBND tỉnh Hải H3 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ M vào năm 1992.

Năm 2003, cụ M mất không để lại di chúc, cụ R sử dụng nhà đất cùng vợ chồng ông H2, bà V. Đến năm 2008, bà V tự ý kê khai sử dụng đất ở và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không hỏi ý kiến các anh chị em trong gia đình và không có biên bản họp gia đình. Khi ông H2 chết năm 2010, đất vẫn mang tên cụ R. Năm 2012, cụ R làm hợp đồng tặng cho bà Lê Thị V và bà V đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi cụ R làm thủ tục tặng cho bà V thì các ông bà không ai biết. Năm 2017 UBND xã Tân Q thông báo cho các hộ gia đình kê

khai đất ở thì các ông, bà mới biết. Anh chị em trong gia đình đã hòa giải với bà V nhưng không thành.

Nay ông T khởi kiện chia thừa kế, các ông, bà nhất trí đề nghị Tòa án chia thừa kế quyền sử dụng đất của cụ M để lại, phần của các ông bà đề nghị được nhận bằng hiện vật là đất ở nhưng sẽ nhất trí giao cho một thành viên đứng tên làm nhà thờ để thờ cúng tổ tiên.

Do điều kiện công việc bận nên các ông bà không tham gia tố tụng tại Tòa án được, các ông bà ủy quyền cho ông T tham gia tố tụng và xin được giải quyết vắng mặt, mọi ý kiến của ông T cũng là ý kiến của các ông bà.

- Ủy ban nhân dân huyện Văn L có đại diện theo ủy quyền là ông Đặng Duy S - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Văn L trình bày:

Về yêu cầu của nguyên đơn đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 433305 ngày 13/11/2008 cho cụ Nguyễn Thị R; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Lê Thị V số BI 514266 ngày 3/5/2012 đều do UBND huyện Văn L cấp đối với thửa số 119, tờ bản đồ số 13, diện tích 300m² tại thôn Ngọc Đ, xã Tân Q, huyện Văn L, tỉnh Hưng Y. Sau khi xem xét các tài liệu, hồ sơ lưu trữ, UBND huyện Văn L có quan điểm như sau:

Việc UBND huyện Văn L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 433305 ngày 13/11/2008 cho cụ Nguyễn Thị R đối với thửa số 119, Tờ bản đồ số 13, diện tích 300m² tại thôn Ngọc Đ, xã Tân Q, huyện Văn L, tỉnh Hưng Y là đảm bảo trình tự, thủ tục và đúng quy định của pháp luật. Sau khi cụ R được cấp giấy chứng nhận, cụ R đã lập hợp đồng tặng cho con là bà Lê Thị V, hợp đồng đã được công chứng chứng thực theo luật định. Sau khi được tặng cho, bà V đã làm thủ tục xin cấp lại Giấy chứng nhận. Vì vậy, UBND huyện Văn L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 514266 ngày 3/5/2012 đứng tên bà Lê Thị V đối với thửa số 119, tờ bản đồ số 13, diện tích 300m² tại thôn Ngọc Đ, xã Tân Q, huyện Văn L, tỉnh Hưng Y là phù hợp.

- Văn phòng công chứng Văn L trình bày: Ngày 22/3/2012, Văn phòng công chứng Văn L đã tiếp nhận yêu cầu công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất số 19, tờ bản đồ 13, diện tích 300m², thuộc thôn Ngọc Đ, xã Tân Q, huyện Văn L, tỉnh Hưng Y. Giữa bên tặng cho là cụ Nguyễn Thị R và bên nhận tặng cho là bà Lê Thị V. Sau khi tiếp nhận, đối chiếu giấy tờ do hai bên cung cấp như chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy xác nhận chồng cụ R chết năm 2003 trước khi cụ R được cấp Giấy chứng nhận số AN 433305 do UBND huyện Văn L cấp ngày 13/11/2008, biên bản họp ngày 22/7/2008 thống nhất sang tên quyền sử dụng đất cho bà R. Công chứng viên nhận thấy các bên có đủ điều kiện tặng cho và nhận tặng cho quyền sử dụng đất. Sau khi các bên

đọc dự thảo hợp đồng đã đồng ý tự nguyện ký kết, điền chỉ vào hợp đồng. Việc ký kết hợp đồng tặng cho giữa cụ R và bà V là đúng quy định của pháp luật. Đại diện văn phòng công chứng Văn L xin được vắng mặt trong tất cả các phiên làm việc và xét xử của Tòa án.

UBND xã Tân Q cung cấp: Đất tranh chấp có nguồn gốc là của hai cụ Đình Văn M, Nguyễn Thị R. Theo bản đồ 299 năm 1985: Là thửa 305, tờ bản đồ số 05, diện tích 262m² đứng tên cụ Đình Văn M. Đến năm 1990 là thửa đất số 196, tờ bản đồ số 4, diện tích 281m² đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Đình Văn M năm 1992. Năm 2003: Là thửa đất số 119, tờ bản đồ số 13, diện tích 300m² đứng tên cụ Đình Văn M.

Năm 2008, UBND huyện Văn L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Nguyễn Thị R (là vợ cụ M) do nhận thừa kế của cụ M, diện tích 300m², thửa đất số 119, tờ bản đồ số 13 nhưng trong Giấy chứng nhận ghi nhầm thành tờ bản đồ số 12. Năm 2012, cụ Nguyễn Thị R tặng cho con dâu Lê Thị V toàn bộ thửa đất nên bà V đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/5/2012 đối với thửa đất số 119, tờ bản đồ số 13, diện tích 300m².

Bản đồ 299 và bản đồ năm 2003 có sự chênh lệch về số liệu giữa 281m² và 300m² là sai số do đo đạc. Gia đình không nhận chuyển nhượng thêm đất của ai, không lấn chiếm, hiện trạng thửa đất vẫn giữ nguyên.

Tài sản trên đất có 01 ngôi nhà 01 tầng ở và 01 tầng tum lợp chống nóng bằng tôn, 02 dãy nhà trọ và 01 quán bán hàng. Đất gia đình sử dụng ổn định, không tranh chấp với các hộ liên kề.

Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Văn L cung cấp: Theo hồ sơ cung cấp của UBND xã Tân Q gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Nguyễn Thị R là đúng quy trình và thẩm quyền vào năm 2008.

Theo hồ sơ cung cấp của UBND xã Tân Q gửi Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đai huyện Văn L, nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Văn L về việc cấp giấy chứng nhận cho từ cụ Nguyễn Thị R tặng cho bà Lê Thị V là đúng quy trình và thẩm quyền năm 2012.

Theo kết luận của UBND huyện Văn L tại Kết luận số 06/KL-CT-UBND ngày 24/5/2018 của Chủ tịch UBND huyện Văn L thì Phòng tài nguyên và môi trường đã rà soát trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Nguyễn Thị R và bà Lê Thị V, nhận thấy giấy chứng nhận của cụ Nguyễn Thị R đã thực hiện chuyển quyền cho tặng bà Lê Thị V. Phòng Tài nguyên môi trường đề nghị Tòa án xem xét xử lý việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Những người làm chứng là bà Phùng Thị Q4 (vợ ông T2), bà Nguyễn Thị B (vợ của ông Đ1), ông Bùi Văn L3 (chồng bà Q1) và ông Cao Văn H4 (chồng bà Q2) đều xác định không có liên quan đến tài sản tranh chấp.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và của Tòa án thể hiện: Thửa đất diện tích 300m² tại thời điểm định giá là 1.440.000đ/m²: 300 x 1.440.000đ/m² = 432.000.000 đồng.

Các tài sản trên đất gồm: + Nhà 02 tầng, tường 220, mái BTCT, khấu hao 74% giá trị còn lại: 98.483.403đ;

+ Nền lát gạch Ceramic 300x300, khấu hao 74%, giá trị còn lại: 5.073.068đ.

+ 01 giếng khoan giá trị còn lại: 1.655.400đ.

+ Hỗ trợ di chuyển xí bệt: 407.700đ.

+ Hỗ trợ di chuyển cánh cửa sắt 1.213.526đ.

+ Dãy nhà trọ cấp IV cao 3,5m, tường xây gạch 110, mái proximăng, nền lót vữa XM, trát tường, khấu hao 84%, giá trị còn lại: 14.616.000đ.

Một số tài sản khác gồm: Nhà vệ sinh, mái chống nắng tầng 2, lán bán hàng, nền lát gạch Granit 400x400, 02 trụ cổng, tường xây gạch chỉ đã hết giá trị khấu hao. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 553.449.097đ.

Tại Bản án sơ dân sự thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 25/10/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Y đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 34, 37, 147, 157, 165, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 13, 465, 467, 634, 688, 692, 722, 723 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 50, 105, 106 Luật Đất đai năm 2003; Khoản 4 Điều 146, Điều 151, Điều 152 Nghị định 181/2004/NĐ - CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất Đai năm 2003, xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Ngọc T về việc: Chia thừa kế đối với di sản của cụ Đinh Văn M là 150m² đất thuộc thửa số 119, tờ bản đồ số 13, diện tích 300m² tại thôn Ngọc Đ, xã Tân Q, huyện Văn L, tỉnh Hưng Y; Hủy hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Văn L số AN 433305 cấp ngày 13/11/2008 cho cụ Nguyễn Thị R, số BI 514266 ngày 3/5/2012 cấp cho bà Lê Thị V đối với thửa số 119, tờ bản đồ số 13, diện tích 300m² tại thôn Ngọc Đ, xã Tân Q, huyện Văn L, tỉnh Hưng Y; Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Thị R và bà Lê Thị V.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng; án phí, nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/11/2022, nguyên đơn ông Đinh Ngọc T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm,

Nguyên đơn ông Đinh Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và trình bày: Sau khi cụ M chết, cụ R và các con, là hàng thừa kế thứ nhất của cụ M đã cùng quản lý, sử dụng nhà, đất, trong đó có di sản thừa kế của cụ M. Cụ R và bà V chỉ là những người trực tiếp quản lý nhà, đất. Cụ R tự ý xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ cụ M sang tên cụ R, sau đó dịch chuyển quyền sử dụng đất cho bà V mà không có sự đồng ý của các đồng thừa kế là trái quy định của pháp luật, trực tiếp gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của các đồng thừa kế, các biên bản họp gia đình có nội dung giao quyền thừa kế thừa đất cho cụ R đều lập sau khi sổ đỏ đã đứng tên cụ R, ghi ngược ngày để ngụy biện, mục đích nhằm cố tình hợp thức sai phạm về thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; những văn bản này không hợp pháp, không đúng trình tự về thời gian, chúng tôi vì thiếu hiểu biết mà ký vào chứ thực tế chúng tôi không có nguyện vọng hợp thức cho đất cụ R và bà V. Ngoài ra, bà V là con dâu, chồng bà V đã chết, trách nhiệm thờ cúng tổ tiên theo phong tục là do trai đinh dòng trưởng thực hiện, chúng tôi cũng chỉ muốn có nơi thờ cúng chung để anh em, con cháu có nơi hội tụ, thực hiện nghi lễ thờ cúng theo truyền thống. Trong hồ sơ địa phương xét duyệt ông T5 và ông Đồng đã thông đồng chuyển tên bố tôi qua mẹ tôi. Ông H2 ký không có văn bản ủy quyền. Trong hồ sơ lúc xét duyệt không có văn bản họp gia đình. Đề nghị cấp sổ đỏ năm 2008 nhưng năm 2011 gia đình tôi mới họp, lập biên bản để cho vào hồ sơ; đó là sai quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chia thừa kế đối với di sản do cụ M để lại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ông T vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, chia di sản thừa kế, huỷ một phần giấy chứng nhận đất của bà V. Nguồn gốc là do ông cha để lại tất cả mọi người đều thừa nhận. Xác định UBND huyện Văn L cho cụ R đối với thừa đất diện tích 300m² là chưa phù hợp và chưa đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận quan điểm đi ngược thời gian là không phù hợp với quy định của pháp luật. Việc trình tự thủ tục cấp, cụ R năm 2008 bắt buộc phải có ý chí của các đồng thừa kế, nếu đến năm 2011 vẫn giữ nguyên quan điểm thì UBND phải có quyết định thu hồi sổ đỏ và cấp mới đúng pháp luật. Năm 2011, cụ R chưa làm thủ tục di sản thừa kế; Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Án lệ không đúng. Tôi đồng ý việc cụ R có quyền cho anh H2, chị V là hoàn toàn đúng, nhưng phần tài sản của cụ M phải chia cho các hàng thừa kế. Cụ R đã chết năm 2020, người kế thừa quyền, nghĩa vụ không có ý kiến gì về phần tài sản cụ R cho bà V. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ R và bà V.

Bị đơn bà Lê Thị V giữ nguyên lời trình bày như tại cấp sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

1. Về việc tuân theo pháp luật:

- Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng phúc thẩm nghị án thấy rằng: Thẩm phán đã chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đơn kháng cáo của đương sự làm trong hạn luật định nên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội chấp nhận việc kháng cáo và xem xét vụ án theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

2. Về nội dung kháng cáo:

Sau khi phân tích nội dung vụ án, căn cứ các quyết định giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm, yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham dự phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26; Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Nguyễn Thị R: Ngày 23/02/2020, cụ Nguyễn Thị R chết; chồng cụ R là cụ Đinh Văn M (chết năm 2003), cụ Đinh Văn M và cụ Nguyễn Thị R sinh được 06 con gồm ông Đinh Xuân Đ2, ông Đinh Ngọc T, ông Đinh Văn T2, bà Đinh Thị Q1, bà Đinh Thị Q2 và ông Đinh Văn H2 (chết năm 2010). Quá trình giải quyết vụ án, các ông, bà khẳng định và trình bày cụ Mắc và cụ R không có con nuôi, con riêng nào khác, nên căn cứ Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông Đinh Xuân Đ2,

ông Đinh Ngọc T, ông Đinh Văn T2, bà Đinh Thị Q1, bà Đinh Thị Q2 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Nguyễn Thị R; tuy nhiên, ông Đinh Ngọc T là người khởi kiện cụ Nguyễn Thị R, quyền và nghĩa vụ của ông T đối lập với quyền và nghĩa vụ của cụ R ngay từ giai đoạn thụ lý ban đầu tại cấp sơ thẩm. Mặt khác, trong vụ án không còn có quan hệ pháp luật khác phát sinh liên quan đến nghĩa vụ của cụ R; vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định ông Đinh Xuân Đ2, ông Đinh Văn T2, bà Đinh Thị Q1, bà Đinh Thị Q2 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Nguyễn Thị R.

[2] Về nội dung, đối với các yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự thì Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 119, tờ bản đồ số 13, diện tích 300m² hiện đang có tranh chấp tại thôn Ngọc Đ, xã Tân Q, huyện Văn L, tỉnh Hưng Y là của cụ Đinh Văn M và cụ Nguyễn Thị R là có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận Giấy ủy quyền này do ông T viết năm 2001 có sự chứng kiến của cụ M, ông T, ông T2, ông Đ1, bà Q1, bà Q2, bà V, ông H2 và em trai ruột của cụ M là cụ Đinh Hải M1. Những người ký vào giấy gồm có ông T, ông T2, ông Đ1, bà Q1, bà Q2, bà V, ông H2 và cụ Mạc. Tại Giấy ủy quyền sở hữu đã thể hiện là hợp đồng tặng cho tài sản có điều kiện với nội dung là cụ M cho ông H2 toàn bộ nhà đất từ ngày lập giấy và ông H2 phải có trách nhiệm chăm sóc bố mẹ; xét thấy, văn bản này không đảm bảo về hình thức và nội dung do cụ M không trực tiếp ký, điểm chỉ vào văn bản và cụ cũng không có quyền định đoạt toàn bộ tài sản; ông H2 cũng chưa làm các thủ tục đăng ký quyền sở hữu. Tuy nhiên, những người chứng kiến là anh chị em ruột của ông T đều ký vào văn bản thừa nhận ý chí của cụ M là giao toàn bộ nhà đất của vợ chồng cụ cho ông Đinh Văn H2 được quyền sở hữu, sử dụng.

[2.2]. Xét tại thời điểm cụ Nguyễn Thị R được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/11/2008 đối với thửa đất số 119, tờ bản đồ số 13, diện tích 300m² tại thôn Ngọc Đ, xã Tân Q, huyện Văn L, tỉnh Hưng Y, thấy:

Tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thể hiện ông Đinh Văn H2 là người làm hồ các thủ tục kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất tranh chấp cho cụ Nguyễn Thị R. Tại thời điểm cụ R kê khai xin cấp Giấy chứng nhận thì cụ M đã chết. Khi đó toàn bộ thửa đất số 119, tờ bản đồ số 13, diện tích 300m² tại thôn Ngọc Đ, xã Tân Q phải xác định là tài sản chung của hai cụ M, Ruộng. Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận khi đó không có biên bản họp gia đình về việc các đồng thừa kế (là con cụ M) thống nhất nhường toàn bộ tài sản cho cụ R nên việc UBND huyện Văn L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số AN 433305 ngày 13/11/2008 đối với thửa đất số 119, tờ bản đồ số 13, diện tích 300m² tại thôn Ngọc Đ, xã Tân Q, huyện Văn L, tỉnh Hưng Y cho mình cụ Nguyễn Thị R là chưa phù hợp. Tuy nhiên, như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định,

sau khi cụ R được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình cụ R đã tổ chức cuộc họp ngày 22/7/2011. Nội dung cuộc họp do ông T là người thiết lập biên bản thể hiện: *Các đồng thừa kế của cụ M thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm ông Đinh Văn Đ1, Đinh Ngọc T, Đinh Văn T2, Đinh Thị Q1, Đinh Thị Q2 và bà Lê Thị V họp thay chồng là ông Đinh Văn H2 (đã chết năm 2010) thống nhất sang tên cho mẹ là Nguyễn Thị R toàn quyền sử dụng, sở hữu thửa đất số 119, tờ bản đồ số 13, diện tích 300m² và đề nghị các cấp có thẩm quyền chuyển giúp.* Biên bản có chữ ký của toàn bộ các con cụ R, có xác nhận của trưởng thôn là ông Nguyễn Văn Đ3 và phó chủ tịch xã Tân Q là ông Đào Xuân T4. Ông T trong quá trình giải quyết vụ đều công nhận văn bản họp gia đình ngày 22/7/2011 và việc sang tên cụ R toàn quyền sở hữu sử dụng thửa đất là ý chí tự nguyện của toàn bộ các anh chị em trong gia đình. Ngoài ra, tài liệu trong hồ sơ vụ án còn có một biên bản họp gia đình ngày 22/7/2008 có đầy đủ chữ ký của các anh chị em ông T có cùng nội dung với biên bản họp gia đình ngày 22/7/2011 về việc chuyển giao toàn bộ thửa đất cho cụ R sở hữu; ông T thừa nhận biên bản đề ngày 22/7/2008 là do ông lập lùi thời gian, (chính thức chỉ có biên bản năm 2011). Mục đích lập biên bản đề ngày 22/7/2008 theo nguyên đơn ông T và những người có quyền lợi liên quan đứng về phía nguyên đơn là để hoàn thiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ R năm 2008. Do đó, đủ căn cứ xác định về mặt ý thức chủ quan, các ông, bà hoàn toàn biết rõ việc cụ R được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008 nhưng không ai có ý kiến phản đối, mà còn thống nhất lập biên bản họp gia đình ghi lùi thời gian để hoàn thiện thủ tục hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ R. Mặc dù thời điểm năm 2008 chưa có biên bản họp gia đình về đất tranh chấp nhưng đến ngày 22/7/2011, gia đình đã họp và toàn bộ các ông bà đều thống nhất ý chí giao cho cụ R toàn quyền sử dụng đất nên phần di sản của cụ M trong khối tài sản chung vợ chồng là không còn để phân chia thừa kế. Do có văn bản năm 2011 thể hiện ý chí của các đương sự, nên tất cả các hàng thừa kế đã thống nhất tặng cho cụ R, nên cụ R tặng cho bà V là hợp pháp. Vì vậy, toàn bộ thửa đất trên đã trở thành tài sản riêng của cụ R, UBND huyện Văn L đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ R nên cụ R là chủ sử dụng đất hợp pháp đối với thửa số 119, tờ bản đồ số 13, diện tích 300m² tại thôn Ngọc Đ, xã Tân Q, huyện Văn L, tỉnh Hưng Y, theo đúng nội dung của Án lệ số 24/2018/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc di sản thừa kế chuyển thành tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của cá nhân như Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích, nhận định là có căn cứ.

[2.3] Như phân tích nêu trên, cụ R là chủ sử dụng đất hợp pháp nên cụ R có toàn quyền định đoạt thửa đất mà không cần phải được sự đồng ý của các con. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành lấy lời khai, cụ R xác định việc cụ tặng cho bà V toàn bộ thửa đất là sự thật và phù hợp với ý

nguyên của cụ M thể hiện tại “*giấy ủy quyền sở hữu ngày 03/11 âm lịch năm Tân Tỵ*” về việc giao toàn bộ nhà đất cho ông H2. Nên việc ông T cho rằng cụ R bị lừa ký hợp đồng tặng cho bà V là không có cơ sở. Cụ R và bà V có đủ điều kiện tặng cho và nhận tặng cho quyền sử dụng đất. Hợp đồng tặng cho được lập bằng văn bản, hai bên tự nguyện ký kết, điền chỉ vào hợp đồng có công chứng số 231/quyền số 02/2012/TP/CC - SCC/HĐGD theo quy định của pháp luật. Vì vậy, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ R và bà V là hợp pháp; UBND huyện Văn L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà V là đúng quy định của pháp luật. Mặt khác, trên thực tế thì sau khi cụ M chết, vợ chồng ông H2, bà V cùng với cụ R trực tiếp sử dụng toàn bộ khối tài sản nhà đất, vợ chồng bà V xây nhà kiên cố năm 2003, xây nhà trọ cho thuê năm 2006. Toàn bộ quá trình xây dựng các công trình trên đất, các anh chị em của ông T đều biết nhưng không ai phản đối. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định di sản 150m² đất của cụ M đã được các đồng thừa kế định đoạt chuyển quyền cho cụ R, cụ R đã tặng cho hợp pháp toàn bộ thửa đất cho bà Lê Thị V là có căn cứ, nên việc ông T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ M, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho cụ R, hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ R và bà V, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà V là không có cơ sở. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng pháp luật, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí: Ông Đinh Ngọc T, sinh năm 1950, là người cao tuổi, đồng thời có đề nghị được miễn án phí, nên theo quy định của Luật Người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần phải miễn án phí phúc thẩm cho ông Đinh Ngọc T.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Đinh Ngọc T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DSST ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Y.

[2]. Về án phí: Nguyên đơn ông Đinh Ngọc T được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hưng Y;
- VKSND tỉnh Hưng Y;
- Cục THA dân sự tỉnh Hưng Y;
- Các đương sự (theo địa chỉ).
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Anh Tài